|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa KH Cơ bản** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Sư phạm lịch sử** | **Mã số:** 7140218 |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| * 1. **Tên học phần:**   **Lịch sử Việt Nam hiện đại** | * 1. **Tên tiếng Anh: Modernese**   **Vietnam History** |
| **1.3. Mã học phần:** SUVNHD.037 | **1.4. Số ín chỉ: 04** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 48 tiết |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 12 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS Lê Trọng Đại |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Lại Thị Hương  ThS. Trần Thị Tuyết Nhung  ThS. Dương Vũ Thái |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Lịch sử Việt Nam cận đại |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Thông hiểu và vận dụng linh hoạt những kiến thức cơ bản, hệ thống về lịch sử, văn hóa thế giới thời kỳ hình thành, phát triển và suy vong của chế độ phong kiến.

**2.2.2. Về kỹ năng**

- Vận dụng kiến thức về lịch sử thế giới để giảng dạy, nghiên cứu, học tập lịch sử thế giới và các học phần liên quan để thực hiện nhiệm vụ của người giáo viên ở trường phổ thông.

- Vận dụng những kiến thức học phần để rèn luyện các kỹ năng tư duy tổng hợp, phân tích, so sánh, đánh giá, kỹ năng thuyết trình trong giờ thảo luận. Vận dụng kiến thức học phần đề giải quyết các bài toán cuộc sống đặt ra.

**2.2.3. Về thái độ**

Nhận thức được lợi ích của việc học lịch sử thế giới cổ đại; những giá trị văn hóa thế giới để xác định ý thức trách nhiệm của mình trong việc học tập, gìn giữ và phát huy chúng.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Hiểu và vận dụng được kiến thức về nghiên cứu khoa học để thực hiện đề tài (nhiệm vụ) nghiên cứu khoa học. |
| CLO2 | Hiểu và vận dụng kiến thức về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo |
| CLO3 | Thuần thục các kỹ năng tư duy phân tích, so sánh, tổng hợp, |
| CLO4 | Có kỹ năng kĩ năng nghiên cứu khoa học, kĩ năng khởi nghiệp |
| CLO5 | Hình thành ở sinh viên lòng yêu thích và ý thức tự giác tham gia nghiên cứu khoa học |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2.Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| CLO 1 | M | R | I | R | R | M | I | M | I | I |
| CLO 2 | R | I | I | R | R | M | I | M | I | I |
| CLO 3 | M | R | I | M | M | M | I | M | I | I |
| CLO 4 | M | R | I | M | M | M | I | M | I | I |
| CLO 5 | M | R | I | R | R | R |  | M | I | I |
| Tổng hợp học phần | M | R | I | M | R | M | I | M | I | I |

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 10% | - Đánh giá toàn bộ quá trình  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên | 100% |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 | Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 40% | A2.1. Tuần 5:  Thông hiểu và vận dụng được kiến thức về để giải quyết được các câu hỏi bài tập mà giảng viên đề ra | 30% |  | CLO 1  CLO 2  CLO3 | Đáp ứng đáp án, thang điểm |
| A2.2. Tuần 10: Thông hiểu và vận dụng được kiến để giải quyết được các câu hỏi bài tập mà giảng viên đề ra | 35 % |  | CLO 2  CLO3  CLO 4 |
| A2.3. Tuần 15: Thông hiểu và vận dụng được kiến thức về để giải quyết được các câu hỏi bài tập mà giảng viên đề ra | 35% |  | CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 |  |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 50% | Bài kiểm tra cuối kỳ: Bài thi tự luận 90 phút thể hiện việc xây dựng được đề cương 1 đề tài nghiên cứu khoa học | 100% |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 | Đáp ứng đáp án, thang điểm |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=75% số buổi của HP. Nếu nghỉ >25% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (3 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/ TH/ TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Liên quan đến CĐR** | ***PP giảng dạy, tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR*** | ***Hoạt động học của SV(\*)*** | ***Tên bài***  ***đánh giá***  ***(cột 3 bảng 3)*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Ch. 1. Tổng quan về phương pháp nghiên cứu khoa học  1.1. Khoa học và công nghệ  1.2. Nghiên cứu khoa học  1.3. Đề tài NC khoa học | 3 | - Hiểu và giải thích được các khái niệm: “khoa học ”Công nghệ, “nghiên cứu khoa học”  “Đề tài NCKH” | CLO1  CLO3  CLO4 | - Kết hợp các PP: thuyết trình nêu vấn đề, sử dụng đồ dùng trực quan.  - GV sử dụng tài liệu 1, 2 máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 1 tài liệu 1, 2  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 2 | Ch. 2. Các quan điểm khoa học và phương pháp NCKH  2.1. Các quan điểm khoa học  2.2. Khái niệm và phân loại phương pháp NCKH | 3 | Làm rõ các quan điểm về khoa học và trình bày được cách phân loại các PP NCKH | CLO1  CLO3  CLO4  CLO5 | - Kết hợp các pp thuyết trình, sử dụng đồ dùng trực quan  - GV sử dụng tài liệu 1, 4, 5 máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 2 tài liệu 1; đọc phần tương ứng tài liệu 4, 5.  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 3 | Ch. 2. Các quan điểm khoa học và phương pháp NCKH (tiếp)  2.3. Tài liệu  2.4. Giả thuyết | 3 | Làm rõ các quan điểm về khoa học và trình bày được cách phân loại các PP NCKH | CLO1  CLO3  CLO4  CLO5 | - Kết hợp các pp thuyết trình, sử dụng đồ dùng trực quan  - GV sử dụng tài liệu 1, 4, 5 máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 2 tài liệu 1; ddocj phaanf tương ứng tài liệu 4, 5.  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 4 | Ch. 2. Các quan điểm khoa học và phương pháp NCKH (tiếp)  2.5. Phương pháp thu thập tài liệu | 3 | Làm rõ các quan điểm về khoa học và trình bày được cách phân loại các PP NCKH | CLO1  CLO3  CLO4  CLO5 | - Kết hợp các pp thuyết trình, sử dụng đồ dùng trực quan  - GV sử dụng tài liệu 1, 4, 5 máy tính, projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung tương ứng của các tài liệu 1, 4, 5.  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 5 | Bài tập: Sử dụng kiến thưc kỹ năng của các chương 1, 2 | 3 | **-** Làm rõBản chất, ý nghĩa các quan điểm PP luận NCKH.  - Phân tích làm rõ nội dung và cách thực hiện của từng quan điểm. | CLO1  CLO3  CLO4 | - Kết hợp các pp hướng dẫn thảo luận làm bài tập nhóm, toàn lớp  - GV sử dụng tài liệu 1, 2, máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung tài liệu 1 và phần tương ứng của tài liệu 2  - Hoạt động trên lớp: Thực hành theo hướng dẫn, làm bài kiểm tra thường xuyên | A.2 |
| 6 | Ch. 3. Logic tiến trình nghiên cứu khoa học  3.1. Tiến trình nghiên cứu khoa học  3.2. Nội dung công trình nghiên cứu | 3 | Hiểu và vận dụng tiến trình nghiên cứu khoa học để xác định đề tài và lập được kế hoạch nghiên cứu. có kỹ năng đánh giá công trình khoa học | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | - Kết hợp các pp thuyết trình, sử dụng đồ dùng trực quan  - GV sử dụng tài liệu 1, 2, máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 3 tài liệu 1, đọc phần tương ứng của các tài liệu 2, 3  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 7 | Ch. 3. Logic tiến trình nghiên cứu khoa học (tiếp)  3.3. Các loại công bố và trình bày các kết quả nghiên cứu khoa học | 3 | Hiểu và vận dụng tiến trình nghiên cứu khoa học để xác định đề tài | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | - Kết hợp các pp thuyết trình, sử dụng đồ dùng trực quan  - GV sử dụng tài liệu 1, 2, 3 máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung tương ứng của các tài liệu 1, 2, 3  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 8 | Ch. 3. Logic tiến trình nghiên cứu khoa học (tiếp)  3.4. Đánh giá C/ trình khoa học | 3 | Lập được kế hoạch nghiên cứu. có kỹ năng đánh giá công trình khoa học | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | - Kết hợp các pp thuyết trình, sử dụng đồ dùng trực quan  - GV sử dụng tài liệu 1, 2, 3 máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung tương ứng của các tài liệu 1, 2, 3  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 9 | Ch. 3. Logic tiến trình nghiên cứu khoa học (tiếp)  3.5. Tiếp cận các phương pháp đánh giá công trình khoa học | 3 | Lập được kế hoạch nghiên cứu. có kỹ năng đánh giá công trình khoa học | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | - Kết hợp các pp thuyết trình, sử dụng đồ dùng trực quan  - GV sử dụng tài liệu 1, 2, 3 máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung tương ứng của các tài liệu 1, 2, 3  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 10 | Bài tập: Sử dụng kiến thức kỹ năng của các chương 3, 4,5, 6 | 3 | Sinh viên lập đề cương 1 đề tài NCKH ở nhà và báo cáo kết quả trên lớp. | CLO2  CLO3  CLO4 | Pp Làm việc nhóm, Sử dụng câu hỏi và bài tập, kiểm tra thường xuyên |  | A.2 |
| 11 | Ch. 4. Tổng quan về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo  4.1. Lịch sử phát triển khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên TG  4.2. Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo ở Việt Nam  4.3. Cơ sở pháp lý hình thành giáo dục khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong các trường đại học. | 3 | - Hiểu và giải thích được các khái niệm “Khởi nghiệp”, “Đổi mới sáng tạo”  - Làm rõ được tiến trình phát triển của khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | - Kết hợp các pp thuyết trình, sử dụng đồ dùng trực quan  - GV sử dụng tài liệu 1, 2, 3 máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung tương ứng của các tài liệu 2, 3  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 12 | Ch. 5. Hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo  5.1. Khái niệm về Hệ sinh thái Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.  5.2. Các loại và cấp độ của Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo | 3 | * Hiểu và giải thích được các khái niệm “Hệ sinh thái khởi nghiệp”, “ đổi mới sáng tạo”; | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | GV sử dụng tài liệu 2, 3 | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 5 tài liệu 1  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 13 | Ch. 5. Hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo (tiếp)  5.3. Tư duy và công cụ của khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo | 3 | - Hiểu và giải thích được khai niệm “sở hửu trí tuệ”, “bảo hộ sở hữu trí tuệ”  - Biết phân loại sở hữu trí tuệ | CLO2  CLO3  CLO4 | - Kết hợp các pp thuyết trình, sử dụng đồ dùng trực quan  - GV sử dụng tài liệu 5, 6, máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 6 tài liệu 1  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 14 | Ch. 5. Hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo (tiếp)  5.4. Kế hoạch, tài chính khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo  Ch. 6. Sở hữu trí tuệ  6.1. Quá trình hình thành Luật sở hữu trí tuệ trên thế giới và Việt Nam  6.2. Khái niệm, vai trò, phân loại và tính chất của sở hữu trí tuệ  6.3. Bảo hộ sở hữu trí tuệ | 1  2 | Hiểu và giải thích được khái niệm “sở hửu trí tuệ”, “bảo hộ sở hữu trí tuệ”  - Biết phân loại sở hữu trí tuệ | CLO2  CLO3  CLO4 | - Kết hợp các pp thuyết trình, sử dụng đồ dùng trực quan  - GV sử dụng tài liệu 5, 6, máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung tương ứng của tài liệu 1  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 15 | Bài tập: Sử dụng kiến thức kỹ năng của các chương 3, 4, 5, 6 | 3 | Sinh viên tiếp tục thực hành lập đề cương 1 đề tài NCKH ở nhà và báo cáo kết quả trên lớp. | CLO2  CLO3  CLO4 | Pp Làm việc nhóm, Sử dụng câu hỏi và bài tập, kiểm tra thường xuyên | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 6 tài liệu 1, ôn lại kiến thức các chương 1,2,3,4,5.  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, làm bài kiểm tra thường xuyên | A.2 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Phạm Viết Vượng | 2000 | *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, | NXB Khoa học kỹ thuật, HN |
| 2 | Nhiều tác giả | 2016 | *Chương trình Khởi nghiệp quốc gia, Khởi sự kinh doanh theo phương pháp CEFE*. |  |
| 3 | Nguyễn Ngọc Huyền | 2011 | *Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp*, | NXB Đại học kinh tế quốc dân. |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 4 | Vũ Cao Đàm |  | *Phương pháp nghiên cứu khoa hoc* | NXB Khoa học kỹ thuât, HN |
| 5 | Hồ Minh Hồng | 2010 | *Giáo trình logic học đại cương*, | NXB Đại học sư phạm, HN. |
| 6 | Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam | 2009 | *Luật Sở hữu trí tuệ* | <https://thukyluat.vn/vb/luat-so-huu-tri-tue-sua-doi-2009-1620a.html> |

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |
| 1 | Giảng đường A, C | Projector, máy tính cá nhân | 01 | Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6 |

**9. Rubric đánh giá:** Không có

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

PGS-TS Nguyễn Thành Chung ThS. Lê Trọng Đại ThS. Lê Trọng Đại

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Khoa học cơ bản** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Sư phạm Lịch sử** | **Mã số: 7140218** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần:**  **Lịch sử Việt Nam hiện đại** | **1.2. Tên tiếng Anh:**  **Modern Viet Nam history** |
| **1.3. Mã học phần:** | **1.4. Số tín chỉ:** 04 |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 48 tiết |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 12 tiết |
| - Tự học: | 120 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Lê Trọng Đại |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | TS. Lại Thị Hương  ThS. Trần Thị Tuyết Nhung  ThS. Dương Vũ Thái |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Lịch sử thế giới cận đại |
| - Học phần học trước: | Lịch sử Việt Nam cận đại |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung:** Tiếp tục phát triển năng lực nhận thức lịch sử, hiểu và sử dụng linh hoạt kiến thức cơ bản của lịch sử Việt Nam từ sau ngày Cách mạng tháng Tám 1945 thành công đến nay để vận dụng vào việc nghiên cứu, giảng dạy lịch sử và giáo dục ở trường phổ thông.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:** Thông hiểu và vận dụng linh hoạt những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tiến trình lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay vào nghiên cứu, giảng dạy lịch sử và giáo dục học sinh ở trường phổ thông bao gồm: Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà và cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam (1954 - 1975) và công cuộc đưa cả nước quá độ lên CNXH từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

**-** Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng nghiên cứu, giảng dạy lịch sử phân tích, so sánh đánh giá các sự kiện hiện tượng, nhân vật của lịch sử Việt Nam hiện đại.

- Rèn luyện cho người học các kỹ năng thực hành bộ môn: sử dụng sơ đồ, đồ thị, niên biểu, lược đồ, làm các đồ dùng trực quan phục vụ dạy học lịch sử.

**2.2.3. Về thái độ:**

- Có thái độ trung thực, cẩn thận trong học tập trên lớp, bài tập ở nhà, thảo luận nhóm; tinh thần cầu thị trong việc lĩnh hội kiến thức và rèn luyện kỹ năng chuyên ngành. Hình thành ở người học lòng tự hào dân tộc, ý thức biết trân trọng, bảo vệ những thành quả mà các thế hệ cha, ông đã tạo dựng.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Kýhiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Hiểu sâu sắc, hệ thống những kiến thức về Lịch sử Việt Nam hiện đại từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến nay |
| CLO2 | Vận dụng được những kiến thức về lịch sử Việt Nam hiện đại phục vụ các hoạt động học tập và nghiên cứu các học phần liên quan ở Đại học, vận dụng vào dạy học và giáo dục ở trường phổ thông khi đi thực tập và khi làm giáo viên ở trường phổ thông. |
| CLO3 | Củng cố cho sinh viên các kỹ năng tư duy, phân tích, so sánh, đánh giá, tổng hợp các sự kiện hiện tượng, quá trình lịch sử |
| CLO4 | Rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng viết báo cáo, kỹ năng thuyết trình (ngôn ngữ) trước tập thể, kỹ năng tranh luận, kỹ năng tổ chức quản lý điều hành hoạt động Seminar nhóm. |
| CLO5 | Hình thành ý thức tự giác, trung thực trong học tập, tiếp tục củng cố lòng yêu thích khoa học, tính tích cực, tự giác tham gia nghiên cứu khoa học. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| CLO 1 | M | R |  | R | R | M |  | R | R | I |
| CLO 2 | R | M |  | I | I | R |  | R | R | I |
| CLO 3 | M | M |  | R | R | M |  | R | R | R |
| CLO 4 | M | M |  | R | R | M |  | R | R | R |
| CLO 5 | R | R |  | I | I | I |  | R | R | R |
| Tổng hợp học phần | M | M |  | R | R | R |  | R | R | R |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/ bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/ thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá:** *a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọngsố con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 10% | - Đánh giá toàn bộ quá trình  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên | 100% |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 | Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 40% | A2.1. Tuần 5: Phân tích tình hình Việt Nam sau cách mạng tháng Tám năm 1945? | 30% |  | CLO 1  CLO 3 | Đáp ứng đáp án, thang điểm |
| A2.2. Tuần 10: Phân tích nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Giơ ne vơ 1954? | 30% |  | CLO 2  CLO 4 |
| A2.3. Tuần 15:  Làm rõ sự sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống Mỹ | 40% |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 50% | Bài kiểm tra cuối kỳ có thể theo các hình thức: Tự luận/ Vấn đáp/  Bài tập lớn (Tiểu luận) thay thế bài thi kết thúc HP | 100% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 | - Đáp ứng đáp án, thang điểm  - Rubric |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự>=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (3 tiết/ b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Sốtiết (LT/ TH/ TT)** | **CĐR củabàihọc (chương)/ chủđề** | **Liên quan đến CĐR** | ***PP giảng dạy, tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR*** | ***Hoạt động học của SV(\*)*** | ***Tên bài***  ***Đánh giá***  ***(cột 3 bảng 3)*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1. Bước đầu xây dựng chính quyền cách mạng, đấu tranh chống ngoại xâm nội phản (9/1945-12/1946)  1.1. Việt Nam trong bối cảnh quốc tế sau CT thế giới thứ hai và sau Cách mạng tháng Tám 1945  1.2. Bước đầu xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng  1.3. Đấu tranh chống ngoại xâm và nội phản bảo vệ chính quyền | 4 | Hiểu và phân tích được tình hình cách mạng Việt Nam sau năm 1945; làm rõ được những chính sách đối nội đối ngoại mà Đảng ta đã tiến hành nhằm giải quyết các khó khăn trên. | CLO1  CLO2 | - GV sử dụng tài liệu 1, 2, máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:Đọc trước nội dung tài liệu 1, 2  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 2 | Chương 2. Việt Nam những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1950)  2.1. Âm mưu và hành động chiến tranh của Pháp. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ.  Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng  2.2. Cuộc chiến đấu ở các đô thị bắc vĩ tuyến 16. Tích cực chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài  2.3. Chiến dịch Việt Bắc TĐ 1947. Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân,  toàn diện (1948 - đầu 1950) | 2    2 | Hiểu và phân tích được cuộc kháng chiến mà Đảng ta phát động cuối năm 1946.  Phân tích được ý nghĩa của chiến thắng Việt Bắc 1947. | CLO1  CLO2 | - GV sử dụng tài liệu 1, 4 | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung tài liệu 1, 4  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 3 | Chương 3. Việt Nam từ chiến dịch Biên giới đến kết thúc hội nghị Giơ-ne-vơ (1950 - 1954)  3.1. Hoàn cảnh lịch sử mới của cuộc kh/ chiến chống Pháp  3.2. Mở rộng Q. hệ NN. Ch/thắng Biên giới, Đại hội Đảng T. quốc lần II, Đảng ra h/động công khai.  3.3. Phát triển kháng chiến về mọi mặt. Giữ vững thế chủ động... | 1  2    1 | Hiểu và phân tích diễn biến, ý nghĩa chiến dịch Việt Bắc 1947 giới thiệu khái quát việc đẩy mạnh K/C từ 1948 – 1950. Nắm được hoàn cảnh lịch sử mới của cuộc kháng chiến, Việc mở rộng quan hệ ngoại giao; nhữngthắng lợi quân sự mà quân dân ta đạt được từ 1950 - 1952 | CLO1  CLO2 | - GV sử dụng tài liệu 1,2,4 | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung tài liệu 1, 2, 4  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 4 | Chương 3. (tiếp)  3.4. Cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954 và chiến thắng Điện Biên Phủ  Bài tập: 1. Vai trò của Hồ Chí Minh trong kh/ chiến chống TD Pháp và can thiệp Mỹ.  2. Vai trò của hậu phương trong K. chiến chống Pháp (1945 - 1954).  3. So sánh ch. dịch Việt Bắc 1947 với ch. dịch Biên giới thu đông 1950 | 1  3 | Đánh giá được vai trò lịch sử của CT Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Pháp 1945 - 1954 | CLO1  CLO2  CLO3 | - GV sử dụng tài liệu [1], [2] [4] máy tính và projector | - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV.  Làm bài Kiểm tra | A.2.1 |
| 5 | Chương 3. (tiếp)  Điện Biên Phủ  3.5. Hội nghị và Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh,...**;** ý nghĩa lịch sử và ng. nhân thắng lợi cuộc K. chiến chống Pháp  Chương 4. Cách mạng hai miền Nam Bắc từ 1954 đến 1960  4.1. Việt Nam sau hiệp định Giơnevơ  4.2. Xây dựng miền Bắc quá độ lên CNXH, khôi phục và phát triển kinh tế, cải tạo XHCN | 1  3 | Nắm được những nội dung cơ bản, những thắng lợi quân sự mà quân dân ta đạt được từ năm 1950 - 1954. Phân tích được đặc điểm, nội dung, ý nghĩa, hạn chế hội nghị Giơnevơ  Khái quát được CC quá độ lên CNXH 5 năm đầu ở Miền Bắc (1955- 1960) | CLO1  CLO2  CLO3 | - GV sử dụng tài liệu 1, 2, 4 máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung tài liệu 1, 2,3, 4  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV.  Làm bài Kiểm tra |  |
| 6 | Chương 4. Cách mạng hai miền Nam Bắc từ 1954-1960 (tiếp)  4.3 Đấu tranh chính trị tiến lên Đồng khởi  Chương 5. Cách mạng hai miền Nam Bắc từ 1961 - 1965  5.1. Nhân dân miền Bắc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ I  5.2. Nhân dân miền Nam đánh bại CL Chiến tranh Đặc biệt của Mỹ | 2  2 | Phân tích được đặc điểm tình hình 2 miền . âm mưu thủ đoạn của Mỹ- nguỵ; những nhiệm vụ mà nhân dân 2 miền phải thực hiện  Giải thích được khái niệm “Chiến tranh đặc biệt”. | CLO1  CLO2  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu 1, 2, 3, 4, máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung tài liệu 1,2,3,4  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 7 | Chương 5. Cách mạng hai miền Nam Bắc từ 1961 đến 1965 (tiếp)  5.2. Nhân dân miền Nam đánh bại CL Chiến tranh Đặc biệt của Mỹ (tiếp)  Chương 6. Cả nước chống CL Chiến tranh cục bộ của ĐQ Mỹ (1965 - 1968)  6.1. Miền Nam đánh bại CL chiến tranh cục bộ của Mỹ- Ngụy (1965- 1968)  6.2. Miền Bắc đánh bại CT phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ | 1  3 | Hiểu và phân tích nội dung giai đoạn lịch sử 1961 - 1965 Giới thiệu được khái quát diến biến cuộc chiến đấu chống CLCT đặc biệt của nd Miền Nam  Giải thích khái niệm Ch tranh cục bộ.  Phân tích nội dung CL ch. tranh cục bộ của Mỹ và đấu tranh chống CLCT cục bộ ở MN. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO5 | - GV sử dụng tài liệu 1,2,3,4 máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước tài liệu 1,4  -Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi |  |
| 8 | Chương 7. Cả nước chống CL Việt Nam hóa chiến tranh của đế quốc Mỹ (1969 - 1975)  7.1. Chiến đấu chống chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh và Đông Dương hoá chiến tranh của đế quốc Mỹ.  7.2. Miền Bắc k/ phục và phát triển kinh tế - xã hội, chống CT phá hoại lần thứ hai của Mỹ và ra sức chi viện cho miền Nam (1969 - 1973)  7.3. Đấu tranh trên mặt trận ngoại giao. Hiệp định Pari về VN năm 1973. | 4 | Trình bày khái quát việc mở rộng CT phá hoại ra M. Bắc của Mĩ, MB chiến đấu chống CT phá hoại  Giải thích được khái niệm “Việt Nam hóa chi/ tranh”.  Làm rõ thắng lợi quân sự của ta trên chiến trường, góp phần buộc Mỹ đàm phán tại Hội nghị Pari. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | - GV sử dụng tài liệu 1, 3, 2, 4 | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung tài liệu 1,2,3,4  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 9 | Bài tập:  1. Quá trình hình thành đường lối CM miền Nam của Đảng ta.  2. Sự khác biệt giữa chiến lược “chiến tranh đặc biệt” và “chiến tranh cục bộ” mà đế quốc Mỹ tiến hành ở VN  Chương 7. Cả nước chống CL Việt Nam hóa ...  (tiếp)  7.4. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế-xã hội, ra sức chi viện | 3 | Phân tích làm rõ được đường lối CM miền Nam của Đảng ta.  Sự khác biệt giữa CL“chiến tranh đặc biệt” và “chiến tranh cục bộ” Trình bày được những nét chính về việc miền Bắc bước đầu khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế; Nắm vững và giải thích được vì sao Mỹ tiến hành C. tranh phá hoại lần 2. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | - GV sử dụng tài liệu 1, 2, 3 | - Chuẩn bị ở nhà:Đọc trước nội dung tài liệu 1, 2, 3  -Hoạt động trên lớp: Thảo luận, |  |
| 10 | Chương 7. Cả nước chống CL Việt Nam hóa ...  (tiếp)  7.5. Chống bình định lấn chiếm, tiến tới Tổng tấn công nổi dậy giải phóng hoàn toàn M. Nam...  7.6. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước  (1954 - 1975) | 4 | . Phân tích được đặc điểm Hội nghị, nội dung, ý ghĩa của Hiệp định Pari. Vai trò của hậu phương M. Bắc đối với cuộc K/ chiến của nd miền Nam. Hiểu, phân tích Ng/ nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, vai trò lãnh đạo của Đảng | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | - GV sử dụng tài liệu 1, 2, 3 | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung tài liệu 1, 2, 3.  -Hoạt động trên lớp: Thảo luận, Làm bài Kiểm tra | A.2.2 |
| 11 | Chương 8. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước, xây dựng và bảo vệ tổ quốc quá độ lên CNXH (1975- 1979)  8.1. Việt Nam năm đầu sau Đại thắng mùa Xuân 1975 (1975 - 1976)  8.2 Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội  và hoàn thành thống nhất đât nước về mặt nhà nước  8.3. Bước đầu đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1976 - 1986) | 4 | Lhaan tích làm rõ được tính tất yếu của công cuộc dổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | GV sử dụng tài 1, 3, 2, 4 | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung tài liệu 1, 4  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 12 | Chương 8. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước, xây dựng và bảo vệ tổ quốc quá độ lên CNXH (1975- 1979)  (tiếp)  8.4 Đấu tranh bảo vệ tổ quốc (1975 - 1979)  Chương 9. Đổi mới đất nước theo định hướng XHCN  (từ 1986 đến nay)  9.1 Hoàn cảnh thế giới và việt Nam. Sự cần thiết phải đổi mới đất nước | 2  2 |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu 1, 3, 2, 4 | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung tài liệu 1, 3, 2, 4  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 13 | Chương 9. (tiếp)  9.2 Đường lối đổi mới đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội  9.3 Thành tựu, hạn chế, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm bước đầu công cuộc đổi mới | 2 |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO5 | - GV sử dụng tài liệu 1, 2, 4 | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung tài liệu 1, , 2, 4  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 14 | Chương 9. (tiếp) 9.3 Thành tựu, hạn chế, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm bước đầu công cuộc đổi mới | 3 |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO5 | - GV sử dụng tài 1, 3, 2, 4, 5 | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung tài liệu 1, 3, 2, 4, 5  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 15 | Bài tập:  1. Vai trò của hậu phương lớn miền Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.  2. Phân tích nội dung, ý nghĩa của Hiệp định Pari 1973?  3. Phân tích được những thành công và hạn chế trong 10 năm đầu cả nước quá độ lên CNXH  4. Phân tích đường lối đổi mới đất nước từ 1986 đén nay. Đánh giá những thành tự và hạn chế của 35 năm đổi mới, Phân tích thời cơ và thách thức của CM nước ta hiện nay. | 4 | Phân tích làm rõ được vai trò của hậu phương M. Bắc đối với cuộc K/ chiến của nd miền Nam. Hiểu, phân tích Ng/ nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử cuộc kh/ chiến chống Mỹ, vai trò lãnh đạo của Đảng | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | - GV sử dụng tài liệu 1, 3, 2, 4, 5 | - Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung tài liệu 1, 3, 2, 4, 5.  -Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV  Kiểm tra thường xuyên |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kỳ |  | Hiểu, và phân tích được nội dung đường lối kháng chiến chống TD Pháp, ĐQ Mỹ từ năm 1946- 1975; Thời kỳ cả nước quá độ lên CNXH từ 1975- nay |  |  |  | A..3/  Rubric |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.…).*

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Têntácgiả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **Tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Lê Mậu Hãn (cb) | 2006 | Đại cương Lịch sử Việt Nam, tập 3 | Nxb Giáo dục, HN |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Hà Minh Hồng | 2005 | Lịch sử Việt Nam cận hiện đại (1858 – 1975) | Nxb ĐHQG TP.HCM |
| 3 | Vũ Minh Giang | 2018 | Lịch sử Việt Nam truyền thống và hiện đại | Nxb ĐHQG Hà Nội |
| 4 | Trần Nam Tiến | 2010 | Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại (1945 – 2000) | Nxb Giáo dục, HN |
| 5 | Trần Bá Đệ | 2013 | Giáo trình Lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay | Nxb Giáo dục, HN |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/ Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |
| 1 | Giảng đường A, C | Projector, máy tính cá nhân | 01 | Chương 1, 2, 3, 4, 5,6,7, |

**9. Rubric đánhgiá:** Khôngcó

*Quảng Bình, ngày 20 tháng10.năm 2021*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **PGS.TS. Nguyễn Thành Chung** | **Phó Trưởng bộ môn**  **Phụ trách Bộ môn**  **ThS. Lê Trọng Đại** | **Người biên soạn**  **ThS. Lê Trọng Đại** |